

1.Giới thiệu về khóa học

- . Điểm hấp dẫn của TTCK
 - . dễ dàng tiếp cận
 - . thường xuyên có cơ hội kiếm lợi nhuận hấp dẫn
 - . hoàn toàn độc lập trong quyết định
 - . đón đầu xu hướng tăng trưởng mới của thị trường
- . đối tượng phù hợp
 - . cho mọi lứa tuổi
 - . cho cả người có kiến thức lẫn chưa có kiến thức
 - . cho những ai coi chứng khoán là đầu tư

2.Những khái niệm chung cho người mới bắt đầu

- . TTCK là nơi mua bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư, trái phiếu
- . cổ phiếu là loại chứng khoán được phát hành dạng chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu đối với tài sản hoặc vốn công ty cổ phần
 - . cổ phiếu thường
 - . cổ phiếu ưu đãi
- . tính thanh khoản chỉ khả năng có thể nhanh chóng mua hoặc bán hàng hóa trên thị trường mà không bị ảnh hưởng của yếu tố giá cả. khoảng thời gian mua và bán hàng hóa thường là ngắn hạn
- . tỷ lệ sở hữu của khối ngoại(room) là tỷ lệ sở hữu tối đa mà nhà đầu tư nước ngoài được phép nắm giữ tại 1 công ty cổ phần. Các công ty được nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ với tỷ lệ tối đa thường là công ty tốt
- . Nên mở tài khoản ở đâu
 - . công ty chứng khoán nằm trong top 10 thị phần môi giới
 - . áp dụng mức phí giao dịch thấp (0,15%)
 - . có hệ thống giao dịch qua internet
 - . có cán bộ tư vấn

3.Những khái niệm chung cho người mới bắt đầu (tiếp)

- . tiêu chí người tư vấn tốt
 - . trung thực
 - . có kiến thức tốt

- . kinh nghiệm tối thiểu 2 năm làm tư vấn viên
- . phù hợp về phương pháp đầu tư
- . chi phí
 - . phí mua, phí bán (0.15%)
 - . thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư chứng khoán (1%)
 - . phí ứng trước do VN là T+2, cần trả phí trước khi tiền về tài khoản (0.038% 1 ngày - 13.7% 1 năm)
 - . lãi vay dịch vụ ký quỹ thế chấp bằng cổ phiếu đang sở hữu
 - . phí lưu ký trả tương ứng với số cổ phiếu trong tài khoản, thường rất nhỏ
- . nguồn thu từ TTCK
 - . chênh lệch giá
 - . cổ tức

4. Các quy định trên TTCK Việt Nam

- . thời gian giao dịch (4.1)

Phương thức giao dịch	HOSE	HNX	UpCOM
Giao dịch khớp lệnh	9h ~ 9h15 Định kỳ mở cửa	9h ~ 14h30 Liên tục	9h ~ 15h Liên tục
	9h15 ~ 14h30 Liên tục	14h30 ~ 14h45	
	14h30 ~ 14h45 Định kỳ đóng cửa	Định kỳ đóng cửa	
Giao dịch thỏa thuận	9h ~ 15h		

(Nghỉ trưa từ 11h30 đến 13h00)

unica

- . phương thức khớp lệnh
 - . khớp lệnh định kỳ thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán tại một thời điểm xác định
 - . khớp lệnh liên tục thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán chứng khoán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch

. phương thức thỏa thuận là phương thức giao dịch mà trong đó các thành viên tự thỏa thuận với nhau về khối lượng và giá giao dịch

. nguyên tắc ưu tiên : ưu tiên về giá > ưu tiên về thời gian

. đơn vị giao dịch (4.2)

Phương thức giao dịch	HOSE	HNX	UpCOM
Giao dịch khớp lệnh	- Bội số của 10 - Lớn nhất là 500.000	Bội số của 100 hoặc lô lẻ	Bội số của 100 hoặc lô lẻ
Giao dịch thỏa thuận	≥ 20.000	≥ 5000 cp hoặc lô lẻ	≥ 10 cp hoặc lô lẻ

Giao dịch lô lẻ của sàn HNX và UpCom: Là giao dịch có khối lượng ≤ 99 cp; giao dịch theo phương thức Khớp lệnh liên tục; chỉ so khớp các lệnh lô lẻ với nhau (không khớp được vào lệnh lô chẵn)

unica

. đơn vị yết giá - bước giá (4.3)

1. Giao dịch khớp lệnh

Giá	HOSE	HNX	UpCOM
< 10.000	10đ	100đ	100đ
10.000 - 49.950	50đ		
≥ 50.000	100đ		

2. Giao dịch thỏa thuận

Không quy định

unica

. giá tham chiếu (4.4)

HOSE	HNX	UpCOM
Giá đóng cửa ngày giao dịch liền trước	Giá đóng cửa ngày giao dịch liền trước	Bình quân giá quyền các giá thực hiện phương thức khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch liền trước

. biên độ giao động giá (4.5)

1. Thông thường

HOSE	HNX	UpCOM
+/- 7%	+/- 10%	+/-15%

2. Ngày đầu tiên giao dịch

HOSE	HNX	UpCOM
+/- 20%	+/- 30%	+/-40%

. giá tham chiếu đặc biệt

. trường hợp trả cổ tức bằng tiền mặt

. giá tham chiếu được = giá đóng cửa - cổ tức được nhận

. trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu phát hành thêm

. giá tham chiếu được = tổng số tiền mua / tổng số cổ phiếu được nhận

5.Các quy định trên TTCK Việt Nam (tiếp)

. các loại lệnh (5.1)

HOSE	HNX	UpCOM
Lệnh LO Lệnh ATO Lệnh ATC Lệnh MP	Lệnh LO Lệnh MTL Lệnh MOK Lệnh MAK Lệnh ATC	Lệnh LO

. lệnh giới hạn - LO

- . là lệnh mua/bán tại một mức giá xác định hoặc giá tốt hơn
- . hiệu lực của lệnh có giá trị trong cả phiên giao dịch
- . là lệnh được sử dụng nhiều nhất toàn thị trường

. lệnh ATO

. là lệnh mua/bán tại mức giá mở cửa (đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa của HOSE)

- . chỉ có giá trị trong đợt khớp lệnh định kỳ tương ứng
- . được ưu tiên khớp lệnh so với các lệnh giới hạn (lệnh LO)

. lệnh ATC

. là lệnh mua/bán tại mức giá đóng cửa (đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa của HOSE)

- . chỉ có giá trị trong đợt khớp lệnh định kỳ tương ứng
- . được ưu tiên khớp lệnh so với các lệnh giới hạn (lệnh LO)

. lệnh thị trường MP/MTL (lệnh thị trường)

. là lệnh mua chứng khoán tại mức giá thấp nhất hoặc lệnh bán chứng khoán tại mức giá cao nhất hiện có trên thị trường

- . chỉ được áp dụng trong thời gian khớp lệnh liên tục

. bản chất 2 lệnh MP và MTL hoàn toàn giống nhau. MP của sàn HOSE, MTL của sàn HNX

. lệnh MOK

- . là lệnh khớp toàn bộ thị trường hoặc hủy

. là lệnh thị trường nếu không được thực hiện toàn bộ thì bị hủy trên hệ thống giao dịch ngay sau khi nhập

. chỉ có ở sàn HNX trong đợt khớp lệnh kiên tục

. lệnh MAK

. là lệnh khớp toàn bộ thị trường và hủy

. là lệnh thị trường có thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần, phần còn lại bị hủy ngay sau khi khớp lệnh

. chỉ có ở sàn HNX trong đợt khớp lệnh kiên tục

. nguyên tắc khớp lệnh

. giá giao dịch là mức giá mà tại đó khối lượng giao dịch là lớn nhất

. nếu mức giá thỏa mãn điều kiện trên thì mức giá gần với giá giao dịch liền trước sẽ được lựa chọn

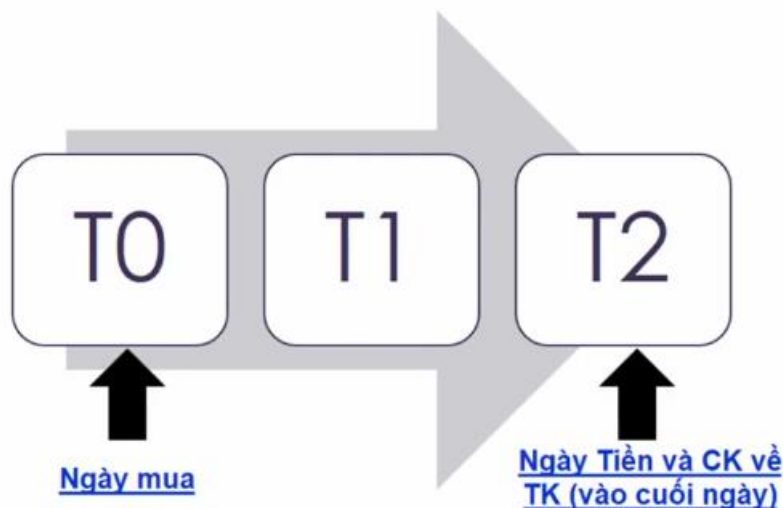
. nếu mức giá thỏa mãn cả hai điều kiện trên thì giá cao hơn sẽ được lựa chọn là giá giao dịch

6. Các loại lệnh và nguyên tắc khớp lệnh

. đợt giao dịch liên tục

. khi có cách lệnh mua/bán thỏa mãn nhau thì lệnh sẽ lập tức được thực hiện và được đưa ra khỏi hệ thống

. chu kỳ thanh toán (6.1)



. VN theo giao dịch T+2, tiền không về luôn

7. Cách đọc bảng giá chứng khoán

- . các thông tin trên bảng giá
- . mã cổ phiếu
- . màu sắc
 - . vàng - giá tham chiếu
 - . xanh lá - giá tăng so với giá tham chiếu
 - . đỏ - giá giảm so với giá tham chiếu
 - . tím - tăng trần +7% giá tham chiếu
 - . xanh lam - giảm trần -7% giá tham chiếu
- . tổng khối lượng giao dịch là tổng số cổ phiếu dc giao dịch mỗi phiên giao dịch
- . bảng giá chỉ hiển thị 3 mức giá tốt nhất cho bên mua và bên bán

8. Phân biệt đầu cơ và đầu tư

- . Phân biệt (7.1)

ĐẶC ĐIỂM	ĐẦU CƠ	ĐẦU TƯ
Thời gian nắm giữ	Ngắn	Dài
Công cụ phân tích	Kỹ thuật	Cơ bản & hoạt động kinh doanh
Đối tượng phù hợp	Đa số	Số ít
Kết quả đầu tư	Phần lớn có kết quả kém kết quả chung của thị trường	Nhiều người có kết quả vượt trội so với kết quả chung của thị trường
Trình độ kiến thức	Ở mức độ vừa phải, chỉ cần biết áp dụng một số chỉ báo kỹ thuật	Đòi hỏi phải có kiến thức tương đối sâu về ngành, doanh nghiệp đầu tư

. đầu cơ là mua bán chứng khoán ngắn hạn với mong muốn tìm kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá cổ phiếu

- . cần tối ưu chi phí giao dịch
- . sử dụng thành thạo phân tích kỹ thuật
- . xác định rõ ngưỡng chốt lãi/cắt lỗ
- . có thời gian theo sát biến động thị trường để ra quyết định thị trường

. đầu tư là hoạt động mua bán chứng khoán dài hạn với mong muốn hưởng chênh lệch giá và cổ tức từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- . xây dựng công thức đầu tư
- . chỉ đầu tư vào những công ty mình hiểu rõ
- . kiên nhẫn và chịu áp lực tốt
- . có dòng tiền dài hạn phù hợp chiến lược đầu tư

9. Tìm kiếm thông tin

- . các dạng thông tin cần tìm
 - . báo cáo bạch, báo cáo thường niên
 - . báo cáo tài chính quý, năm
 - . thông tin giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn
 - . lịch thực hiện quyền
 - . bảng giá giao dịch
 - . biểu đồ giá
- . trang cơ quan quản lý thị trường
 - . sở GDCK Hồ Chí Minh hsx.vn
 - . sở GDCK Hà Nội hnx.vn
 - . trung tâm lưu ký vsd.vn

10. Tìm kiếm thông tin (tiếp)

- . ưu tiên những bảng điện có tích hợp sẵn chỉ báo vào hệ bảng điện

11. Các phương pháp phân tích

- . phân tích cơ bản
 - . là việc phân tích tình hình tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của công ty định đầu tư
 - . chủ yếu dựa vào bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và hướng phát triển của công ty theo thời gian, nhờ đó tiên đoán các chuyển biến giá chứng khoán
 - . phân tích cơ bản thường bao gồm phân tích hoạt động kinh doanh và phân tích tài chính doanh nghiệp
 - . bao gồm phân tích hoạt động kinh doanh và phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp

- . phân tích hoạt động kinh doanh
 - . thị trường, khách hàng, đối thủ
 - . trình độ công nghệ
 - . năng lực quản lý
 - . thông tin dự án đầu tư
 - . phân tích SWOT
 - . Vị thế doanh nghiệp
- . phân tích tình hình tài chính
 - . chỉ tiêu tăng trưởng
 - . chỉ tiêu khả năng sinh lời
 - . chỉ tiêu hiệu quả hoạt động
 - . chỉ tiêu cơ cấu tài chính
 - . chỉ tiêu khả năng thanh toán
 - . chỉ tiêu tính trên 1 cổ phần
 - . chỉ tiêu về định giá
- . phân tích kỹ thuật là phương pháp phân tích nhằm dự báo xu hướng của giá cả thông qua việc nghiên cứu các dữ liệu trong quá khứ, chủ yếu là giá cả và khối lượng
 - . nguyên lý chính của phân tích kỹ thuật
 - . hành động của thị trường phản ánh tất cả mọi thứ
 - . giá cả di chuyển theo xu hướng
 - . lịch sử có xu hướng lặp lại

12. Đọc hiểu báo cáo tài chính

- . Báo cáo tài chính bao gồm
 - . bảng cân đối kế toán (Balance sheet - BS)
 - . phản ánh giá trị tài sản DN tại một thời điểm nhất định

. cấu tạo (12.1)

2. Cấu tạo

Tài sản	=	Nợ	+	Vốn chủ sở hữu
Tài sản ngắn hạn		Nợ ngắn hạn		
<ul style="list-style-type: none"> - Tiền - Hàng tồn kho - Phải thu KH - Trả trước cho người bán... 		<ul style="list-style-type: none"> - Phải trả người bán - Người mua trả tiền trước - Nợ vay tài chính ngắn hạn - Doanh thu chưa thực hiện - Quỹ khen thưởng, phúc lợi 		<ul style="list-style-type: none"> - Vốn góp của chủ sở hữu - Thặng dư vốn cổ phần - Cổ phiếu quỹ - Quỹ đầu tư phát triển - Lợi nhuận chưa phân phối - Lợi ích cổ đông thiểu số
Tài sản dài hạn		Nợ dài hạn		
<ul style="list-style-type: none"> - Tài sản cố định - Xây dựng dở dang - Đầu tư tài chính dài hạn - Lợi thế thương mại 		<ul style="list-style-type: none"> - Nợ vay tài chính dài hạn - Thuế thu nhập hoãn lại 		

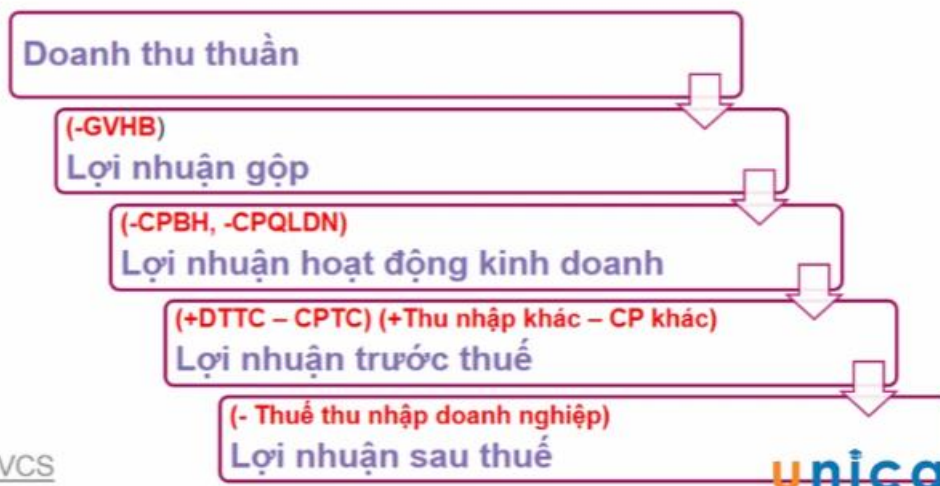
unica

. báo cáo kết quả kinh doanh (Profit & Loss - PL)

. phản ánh tình hình kinh doanh của DN trong 1 thời kỳ

. cấu tạo (12.2)

2. Cấu tạo



Ví dụ: Mã VCS

unica

. báo cáo lưu chuyển tiền tệ (cash flow - CF)

. thể hiện dòng tiền ra và dòng tiền vào trong 1 khoảng thời gian nhất định

. cấu tạo

. dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO)

. dòng tiền từ hoạt động đầu tư (CFI)

. dòng tiền từ hoạt động tài chính (CFF)

. thể trình bày theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp

. trực tiếp : tính trực tiếp ra dòng tiền trong kỳ

. gián tiếp : điều chỉnh lợi nhuận trực tiếp cho các khoản mục phi tiền mặt để tính toán dòng tiền ra và vào cho CFO

. thuyết minh báo cáo tài chính

. lưu ý khi đọc BCTC

. đọc báo cáo tài chính kiểm toán

. đọc báo cáo tài chính hợp nhất

. xem xét báo cáo tài chính nhiều năm liền

. đọc kỹ thuyết minh báo cáo tài chính

13.Xử lý nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời (13.1)

Chỉ tiêu	Mô tả	Ý nghĩa
Tỷ suất lợi nhuận gộp	$= \text{LN gộp} / \text{DTT}$	Thể hiện khả năng quản lý CP giá vốn Tỷ suất càng lớn \Rightarrow DN có nguồn cung đầu vào tốt, quản lý chi phí sản xuất hiệu quả
Tỷ suất LN HĐKD	$= \text{LN HĐKD} / \text{DTT}$	Phản ánh hiệu quả quản lý tất cả chi phí hoạt động của doanh nghiệp
LNIT/DTT	$= \text{LNIT} / \text{DTT}$	Đánh giá chính xác tình hình hoạt động của một doanh nghiệp so với doanh nghiệp khác cùng ngành hoặc của một doanh nghiệp qua các năm. Loại bỏ các vấn đề khác biệt về thuế suất như ưu đãi về thuế, các khoản thuế doanh nghiệp trì hoãn trả,...
LNST/DTT	$= \text{LNST} / \text{DTT}$	Tỷ suất cao phản ánh DN có sức cạnh tranh tốt so với các đối thủ, xét trên tổng hợp tất cả các yếu tố kinh doanh

. tỷ suất lợi nhuận gộp (lợi nhuận gộp biên) thể hiện khả năng quản lý cổ phiếu giá vốn

. tỷ suất lợi nhuận hoạt động kinh doanh phản ánh hiệu quả quản lý tất cả các chi phí hoạt động doanh nghiệp

. lợi nhuận trước thuế / doanh thu thuần đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp so với doanh nghiệp khác cùng ngành hoặc một doanh nghiệp qua các năm

. lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần phản ánh sức cạnh tranh của doanh nghiệp so với khác đối thủ, xét trên tổng hợp các yếu tố kinh doanh

14.Xử lý nhóm chỉ tiêu tăng trưởng và tổng hợp

. công thức tổng quát (14.1)

Công thức tổng quát

$$\text{Tăng trưởng } X = \frac{X \text{ kỳ } n - X \text{ kỳ } (n - 1)}{X \text{ kỳ } (n - 1)}$$

Các chỉ tiêu thường được phân tích về tốc độ tăng trưởng

- Doanh thu
- Lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động kinh doanh
- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế
- EPS
- Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu,

unica

. chỉ tiêu thường được phân tích

. doanh thu

. lợi nhuận gộp, lợi nhuận hoạt động kinh doanh

. lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế

. EPS

. tổng tài sản, vốn chủ sở hữu

. chỉ tiêu tổng hợp (14.2)

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

→ Phản ánh giá trị LN ròng mang lại từ 1 đồng Tổng Tài sản (Vốn chủ sở hữu + Nợ) được đầu tư

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}}$$

→ Phản ánh lợi nhuận đem lại từ 1 đồng vốn chủ sở hữu

. ROA phản ánh giá trị lợi nhuận ròng mang lại từ 1 đồng tổng tài sản (vốn chủ sở hữu + nợ) được đầu tư

. ROE phản ánh lợi nhuận đem từ 1 đồng vốn chủ sở hữu

15. Xử lý nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán (15.1)

Chỉ tiêu	Công thức
Khả năng thanh toán tức thời	$\frac{\text{Tiền \& TĐT} + \text{ĐTTC ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
Khả năng thanh toán nhanh	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
Khả năng thanh toán hiện hành	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$
Khả năng thanh toán lãi vay	$= \frac{\text{EBIT}}{\text{Chi phí lãi vay}}$

→ Các chỉ số này cao hay thấp còn phụ thuộc vào đặc điểm, tình chất kinh doanh của mỗi ngành nghề

Ví dụ: Mã VCS

unica

. khả năng thanh toán tức thời cho biết khả năng thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn là bao nhiêu, chỉ tiêu này lớn hơn 1 là DN chưa hiệu quả

. khả năng thanh toán nhanh bỏ hàng tồn kho khỏi tài sản ngắn hạn để tính để cho kết quả thực tế hơn

. khả năng thanh toán hiện hành là tốt nếu lớn hơn 1, cho thấy tài sản ngắn hạn sẽ có nợ vay ngắn hạn

. khả năng thanh toán lãi vay càng cao cho thấy khả năng chi trả lãi vay càng tốt

16. Xử lý nhóm chỉ tiêu tính trên 1 cổ phần

$$\text{EPS} = \frac{\text{LNST} - \text{Trích quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Số CP đang lưu hành}}$$

$$\text{P/E} = \text{Giá trị vốn hóa} / \text{LNST}$$

- ▶ P/E cho biết NGĐT sẵn sàng trả giá cho mỗi CP cao hơn mức thu nhập mỗi cổ phiếu hiện tại bao nhiêu lần.
- ▶ P/E không sử dụng được khi lợi nhuận của DN bị âm.

$$\text{P/B} = \text{Giá trị vốn hóa} / \text{Giá trị sổ sách}$$

- ▶ P/B cho biết giá thị trường hiện cao hơn giá trị sổ sách một cổ phiếu bao nhiêu lần
- ▶ Khi lợi nhuận âm có thể sử dụng P/B để định giá.
- ▶ BÝ có thể bị ảnh hưởng mạnh bởi hạch toán kế toán và không phản ánh được hết giá trị của TS vô hình như thương hiệu, lợi thế thương mại

Ví dụ: Mã VCS

unica

. EPS là lãi cơ bản trên cổ phiếu

. P/E cho biết NĐT sẵn sàng trả giá cho mỗi cổ phiếu cao hơn mức thu nhập hiện tại bao nhiêu lần

. P/B cho biết giá thị trường hiện tại cao hơn giá trị sổ sách 1 cổ phiếu bao nhiêu lần

17. Xử lý nhóm chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

. chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động (17.1)

Chỉ tiêu	Công thức	Đánh giá
Vòng quay hàng tồn kho	$\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	Càng cao càng tốt
Số ngày tồn kho	$\frac{365}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}}$	Càng thấp càng tốt
Vòng quay khoản phải thu	$\frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Bình quân khoản phải thu}}$	Càng cao càng tốt
Số ngày phải thu	$\frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải thu}}$	Càng thấp càng tốt
Vòng quay khoản phải trả	$\frac{\text{Giá trị mua hàng trong kỳ}}{\text{Bình quân khoản phải trả}}$	Càng thấp càng tốt
Số ngày phải trả	$\frac{365}{\text{Vòng quay khoản phải trả}}$	Càng cao càng tốt

18. Xử lý nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài chính

Chỉ tiêu	Công thức
Hệ số tự tài trợ	$\frac{\text{VCSH}}{\text{Tổng tài sản}}$
Nợ phải trả/TTS	$\frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$
Tỷ lệ Nợ/VCSH	$\frac{\text{Tổng nợ}}{\text{VCSH}}$
Chỉ số đòn bẩy	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{VCSH}}$
Nợ dài hạn/VCSH	$\frac{\text{Nợ dài hạn}}{\text{VCSH}}$

. chỉ tiêu cơ cấu tài chính phản ánh mqh giữa tài sản, vốn vay, vốn chủ và khả năng tự chủ về tài chính của doanh nghiệp

. hệ số tự tài trợ đánh giá mức độ tài chính doanh nghiệp và khả năng bù đắp tổn thất bằng vốn chủ sở hữu

. nợ phải trả / tổng tài sản cho biết % đi vay của DN

. nợ phải trả / vốn chủ sở hữu phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh

. chỉ số đòn bẩy đánh giá tác động tích cực/tiêu cực của đòn bẩy, thể hiện khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp

. nợ dài hạn / vốn chủ sở hữu tùy ngành nghề

19. Phân tích thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, trình độ công nghệ và năng lực quản lý

. khái niệm

. phân tích hoạt động kinh doanh là việc phân chia các hiện tượng, quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh thành nhiều bộ phận cấu thành. Trên cơ sở đó dùng các phương pháp liên hệ, so sánh đối chiếu và tổng hợp nhằm rút ra tính quy luật và xu hướng phát triển của các hiện tượng nghiên cứu

. phân tích hoạt động kinh doanh là cơ sở để đưa ra các đánh giá về tiềm năng phát triển của doanh nghiệp, từ đó ra quyết định đầu tư hay không đầu tư vào doanh nghiệp đang phân tích

. phân tích thị trường, khách hàng, đối thủ

. nguyên liệu đầu vào, nhà cung cấp

. cơ cấu doanh thu theo thị trường, sản phẩm

. sản phẩm thay thế

. đối thủ cạnh tranh

. thị trường, khách hàng

. phân tích trình độ công nghệ

. phân tích trình độ công nghệ là việc nhận dạng trình độ công nghệ của doanh nghiệp theo các tiêu chí nhất định thông qua việc đánh giá hệ thống được phục vụ quá trình sản xuất

. xác định lợi thế công nghệ của doanh nghiệp so với đối thủ cùng ngành

. năng lực quản lý

. quản lý chất lượng

. quản trị tài chính

. quản trị nhân sự

. thông tin dự án đầu tư

. mục đích và cơ sở của việc thực hiện dự án thông qua việc nghiên cứu tiền khả thi và khả thi

. phân tích tài chính dự án : tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, dự kiến doanh thu hàng năm, dự tính chi phí hàng năm

. thông tin chung về dự án : quy mô, phương án xây dựng, hình thức đầu tư

. chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án

. NPV - giá trị hiện tại ròng

- . IRR - tỷ suất hoàn vốn nội bộ
- . pp - thời gian hoàn vốn
- . phân tích cơ cấu cổ đông
 - . cơ cấu cổ đông
 - . cơ cấu cổ đông có cô đặc hay không ?
 - . ban quản trị có phải cổ đông sáng lập hay không ? chiếm bao nhiêu %
 - . vốn nhà nước chiếm bao nhiêu % ? kế hoạch thoái vốn ?
 - . room ngoại chiếm bao nhiêu % ? kế hoạch nói room ?